

Bản án số: 48/2018/HNGĐ-ST  
Ngày: 18/4/2018  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH - TP. HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Hưng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Nguyên.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 18 tháng 4 năm 2018 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 642/2017/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 86/2018/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phan Thị H, sinh năm 1986. (có mặt)

Địa chỉ: A1/20 đường Nguyễn Cửu Phú, ấp 1, xã T, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Y là Luật sư thuộc Công ty Luật QT thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Hữu B, sinh năm 1980. (vắng mặt)

Địa chỉ: C17/37 ấp 3, xã B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Nguyên đơn Bà Phan Thị H trình bày:** Bà Phan Thị H và Ông Nguyễn Hữu B bắt đầu chung sống với nhau vào năm 2005, có tổ chức đám cưới, do mai mối và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình vào ngày 11/10/2005. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, không có gì xảy ra. Tuy nhiên, sau một thời gian chung sống với nhau và đến năm 2008 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Bên cạnh việc vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn thì từ năm 2010 đến nay khi vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng thì bà H còn bị áp lực từ gia đình ông B. Bà H và ông B xảy ra rất nhiều bất đồng và mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau. Do vợ chồng chung sống không hạnh phúc

nên bà Hvà ông B sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Nhận thấy hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Hyêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Hđược ly hôn với ông B.

Về con chung: Bà Hvà ông B chung sống với nhau có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 05/7/2006, giới tính: nữ và trẻ Nguyễn Hữu Huy H; sinh ngày 23/3/2013, giới tính: nam. Khi ly hôn, bà Hyêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ H và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Hxác nhận không có.

Về nợ chung: Bà Hxác nhận không có.

Ông Nguyễn Hữu B vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông B.

Tại phiên tòa, Luật sư Ylà người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phan Thị H.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Phan Thị H nộp đơn xin ly hôn với Ông Nguyễn Hữu B. Ông Nguyễn Hữu B cư trú tại địa chỉ C17/37 ấp 3, xã B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời Ông Nguyễn Hữu B đến Tòa án để tham gia phiên tòa giải quyết vụ án nhưng ông B vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Ông Nguyễn Hữu B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không đến Tòa án để giải quyết vụ án nên ông B đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình. Ông B phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu xin ly hôn, lời trình bày của bà Hvà các tài liệu có trong hồ sơ vụ án làm chứng cứ để xem xét giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ vợ chồng: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/10/2005 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Phan Thị H và Ông Nguyễn Hữu B là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tại phiên tòa, bà Hxác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà Hyêu cầu được ly hôn với ông B để mỗi người tạo dựng cuộc sống riêng.

Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu trên của bà Hhoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà Hthì quan hệ vợ chồng của bà Hvà ông B đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008, nguyên nhân là do vợ chồng có rất nhiều bất đồng và mâu thuẫn trầm trọng trong cuộc sống hôn nhân nên vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc, không còn yêu thương lẫn nhau. Do mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng nên bà Hvà ông B đã sống ly thân từ năm 2014 đến nay. Điều này cho thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Hvà ông B là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Tại công văn số 409/UBND ngày 27/10/2017 về việc trả lời xác minh tình trạng hôn nhân và gia đình của Ủy ban nhân dân xã B, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh có nội dung: Ủy ban nhân dân xã B không biết thông tin về cuộc sống hôn nhân giữa Bà Phan Thị H và Ông Nguyễn Hữu B; không có tiến hành giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà Hvà ông B; không có thông tin nào khác liên quan đến tình trạng hôn nhân của bà Hvà ông B. Nên không thể cung cấp thông tin theo đề nghị của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được.

Mặt khác, do ông B đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để mời tham dự phiên hòa giải và tham dự phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ông B không có thiện chí để Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Phan Thị H đối với Ông Nguyễn Hữu B.

[4] Về con chung: Bà Phan Thị H xác nhận bà và Ông Nguyễn Hữu B có 02 con chung là trẻ Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 05/7/2006, giới tính: nữ và trẻ Nguyễn Hữu Huy H; sinh ngày 23/3/2013, giới tính: nam. Khi ly hôn, bà Hyêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ H và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: “Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”.

Tòa án đã tiến hành ghi nhận ý kiến của trẻ Y và trẻ Y có nguyện vọng được sống chung với bà Huệ.

Theo bà Hthì hiện nay bà Hcó đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ H nên khi ly hôn bà Hyêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ Y và trẻ H. Do ông B vắng mặt và không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về con chung giữa ông và bà Hnên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề con chung theo yêu cầu của bà Huệ, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn, do bà Htự nguyện không yêu cầu ông B thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Y và trẻ H nên Hội đồng xét xử ghi nhận việc bà Hkhông yêu cầu ông B thực hiện nghĩa cấp dưỡng nuôi con, nếu sau này các đương sự có sự tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[5] Về tài sản chung: Do bà Hxác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông B vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông B về tài sản chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà Huệ, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[6] Về nợ chung: Do bà Hxác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông B vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông B về nợ chung của vợ chồng nên Hội đồng xét xử chỉ xem xét giải quyết vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà Huệ, nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

[7] Về án phí: Bà Phan Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của Bà Phan Thị H đối với Ông Nguyễn Hữu B.

Bà Phan Thị H được ly hôn với Ông Nguyễn Hữu B. Giấy chứng nhận kết hôn số số 32, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình cấp ngày 11/10/2005 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Thị Hải Y, sinh ngày 05/7/2006, giới tính: nữ và giao trẻ Nguyễn Hữu Huy H; sinh ngày 23/3/2013, giới tính: nam cho Bà Phan Thị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi trẻ Y và trẻ H đối với Ông Nguyễn Hữu B.

Ông Nguyễn Hữu B có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà Phan Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Phan Thị H xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà Phan Thị H chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0022031 ngày 06/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND huyện BC;
- Chi cục THADS huyện BC;
- UBND xã T, huyện Thái Thụy,  
tỉnh Thái Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Trọng Hưng**